

VUONG An Thạch sinh trưởng trong xã hội phong kiến trung ương tập quyền dưới triều nhà Tống đang suy thoái: Kim lã chiêm, Liêu, uy hiếp phải cống nạp hàng năm.

Ông nổi lên từ nhỏ, sớm đỗ đạt, chiếm học vị cao nhất thời bấy giờ: Tiến sĩ. Ông đứng ở cương vị văn học nhìn thông suốt và quán triệt các lĩnh vực: Chính trị, Kinh tế, Khoa học kỹ thuật, Giáo dục nhân tài...

Ông vận dụng văn tài để truyền tải những hoài bão, những chủ trương biến pháp đã âm ập từ lâu, cô đọng trong bài điều trần quốc sách dâng lên vua Tống Nhân Tông. Trong đó ông phát biểu ý kiến về những việc tùy thời cải cách làm cho dân giàu nước mạnh...

x x

Vương An Thạch tự Giới Phủ, hiệu Bán Sơn, sinh năm 1021 ở Lâm Xuyên, Phủ Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tây). Bản chất thông minh, sách chỉ đọc một lần là nhớ, thông cả sách của bách gia chư tử và Phật, Lão; bạn đồng học và người đương thời gọi ông là kho sách sống. Ông đỗ tiến sĩ khi còn rất trẻ (năm 17 tuổi) dưới triều Tống Nhân tông. Văn bài của ông được Âu Dương Tu, một văn học đại gia đương thời cho là bậc thiên tài, tiến cử lên vua. Vua phong ông chức quan Giám nghị. Ông tìm cách khuếch trương. Vì hoài bão của ông âm ập từ lâu là biến pháp để an bang tế thế chứ không phải làm chức vụ can vua đơn thuần. Nếu thấy việc trái nghịch với dân sinh quốc kế, ích nước lợi dân, nói ra mà vua thủ cựu không nghe, chỉ chuốc lấy sự oán hờn có khi hại đến bản thân; còn nhắm mắt a dua cho qua ngày để danh vị được vững vàng, cho ngày càng thăng quan tiến chức thì điều đó ông không thể làm.

Nhưng, Âu Dương Tu là người vì nước tiến hiến, ít lâu sau lại tiến cử ông một lần nữa. Lần này ông không dám từ chối, đành phải nhận, đó là chức Quân mục phán quan - một chức vụ Thanh tra chính sự của thời nay. Sau đó, ông được thăng chức Đề điểm Hình ngục - tức là quan Chánh án ở Giang Đông. Vài năm sau, ông lại được vời về triều thăng chức Độ chi Phán quan đặc trách trông nom việc thu phát thuế và lương của nhà nước. Bấy giờ, vì tuế cống cho hai nước Liêu và Liêu

Lấy Mắt Người Nay Nhìn Lại Người Xưa

TÌM HIỂU CÔNG TRÌNH DUY TÂN BIẾN PHÁP CỦA NHÀ BÁC HỌC VƯƠNG AN THẠCH

Khảo luận của LÊ PHƯƠNG CHIH

làm cho kho tàng kiệt quệ mà nguồn thu nhập ngày càng thiếu hụt, triều đình giao cho ông công việc tìm kiếm nguồn thu nhập để bù vào chỗ thâm hụt, vì biết ông thạo khoa Độ chi-ngày nay gọi là Tài chính và Kinh tế.

Tuy ông học rộng, tài cao, thấy xa hiểu rộng, trong đầu có sẵn một đồ án biến pháp toàn diện, nhưng địa vị của ông là một hạ quan, thấp cổ bé miệng phải phụ thuộc vào lệnh vua và quyền của tể tướng, rồi cuộc ông vẫn bị hạn chế tối đa, không thi thố được tài năng và sở nguyện.

Nhưng ông biết lợi dụng thời cơ, trong chức vụ Độ chi phán quan được đi từ triều đến các quận, ông đi sâu vào cảnh sinh sống thực tế của dân, bổ sung cho phương án biến pháp ngày càng hoàn hảo, chờ cơ hội đem ra thực hiện. Ông rút được một kinh nghiệm quý báu: "Đừng thấy của cải không đủ mà lo. Chỉ lo không có kế sách chi dùng của cải mà thôi!"

Hoài bão duy tân biến pháp mà ông âm ập và nuôi lớn trong đầu hơn mười năm, mãi đến 48 tuổi, dưới triều Tống Thần tông, ông mới có dịp thực hiện. Đó là vào năm 1067, Thần tông nối ngôi vua Anh tông, vị vua trẻ có óc cải tiến này nhân đọc được bản điều trần ý kiến biến pháp của ông đã nằm từ lâu dưới triều Nhân tông. Đọc đến đâu nhà vua tâm đắc đến đó, vua liền cho vời ông vào cung để nghe giải bày thiện sách phú dân cường quốc. Nghe đến đâu vua tán thưởng đến đấy, và sau mấy ngày mạn đàm, vua Thần tông quyết định trao quyền Tể tướng cho ông.

Khi nhận chức vụ Tể tướng, Vương An Thạch chỉ là một hạ quan, trên ông

còn nhiều vị đại thần cổ cựu. Bấy giờ vào năm Hi Ninh nguyên niên (1068) triều đại Tống Thần-tông, ông vừa tròn 48 tuổi, trở thành một vị tướng quốc trẻ tuổi nhất từ trước đến nay, dưới thời phong kiến.

Vương An Thạch lên cầm quyền Tể tướng là bắt tay ngay vào việc thực hiện công trình duy tân biến pháp.

Với nhân quan bác học, Vương An Thạch nhìn qua những lần biến pháp của tiền nhân trong lịch sử tiền triều. Lần đầu dưới quyền Tướng quốc Quán Trọng triều đại Tề Hoàn công, cách ông 1.700 năm; đến Tể tướng của Tần Hiếu công là Thương Ưởng, cách ông 1.300 năm; rồi đến triều Hán Vũ đế cách ông 1.200 năm; và mới nhất là Vương Mãng, cách ông khoảng 700 năm. Ông đã rút ra những ưu khuyết điểm của các bậc tiền bối để đúc kết cho mình: Địa chủ đã được nhiều đặc quyền đặc lợi mà không phải nộp thuế, không sưu dịch. Còn dân chúng nghèo khổ, bị nhiều áp bức bất công đè lên đầu, lên cổ. Quốc khố trống rỗng.

Bản điều trần duy tân biến pháp của Vương An Thạch trên 10.000 từ, dâng lên vua Nhân tông từ năm 1058, chỉ vì nhà vua thấy ông ăn mặc giản dị đến nỗi thời lếch thếch và tính khí hơi buồng binh, nên vua chỉ liếc qua bản quốc sách rồi xếp bỏ xó. Mãi đến 10 năm sau, vua Thần tông mới tạo cơ hội cho ông thực hiện.

Tân pháp của Vương An Thạch có 9 phép nổi bật:

1. Phương Điền Quân Thuế: Do ruộng đất. Phép này vừa chỉnh lý được khoản thuế của nhà nước trở nên rõ ràng, dễ tra xét sổ bộ để thu bố, tránh được nạn tỵ hại của quan lại địa phương

hu nhiều nộp ít vào ngân khố.

2. Phép Quân Thâu: Cho Nông dân nộp thuế bằng sản vật. Nhà nước tính sản vật theo thời giá trung bình tại chỗ. Đòi thu thuế bằng tiền. Dân sản xuất lược món gì nộp thuế bằng thứ ấy, lược tính giá trung bình, tránh được gian phải bán đồ bán tháo với giá rẻ nát cho bọn đầu cơ để lấy tiền nộp thuế. Những sản vật đó, nhà nước chờ lì nơi khác có nhu cầu cần dùng, được giá thì bán, lợi ấy bỏ vào kho. Thế là cả nông dân và nhà nước đều có lợi, nhà nước khỏi cạnh tranh buôn bán với dân.

3. Phép Mộ Dịch: Đối lệ dịch làm cầu ra làm thuê. Trước kia, vua Tống Thái tổ chia dân ra làm 9 hạng. Từ hạng 1 đến hạng 4 là sung dịch, phải đi làm trâu, quan địa phương cần lúc nào bắt đi làm công dịch lúc đó, như đào kênh, mở đường v.v. mà phải mang theo lương thực tự túc, chẳng được trả lại một đồng nào. Từ hạng 5 đến hạng 9 là gia quyến nhà quan, nhà chùa, đàn bà, độc đinh và vị thành niên đều được miễn dịch. Thành ra công việc sưu dịch chỉ trút nặng lên đầu hạng cùng đinh. Mỗi lần bị bắt đi trâu là bỏ việc mùa màng, vay lương thực, phải trả vào những mùa sau.

Theo lệ dịch mới, chia dân ra làm 5 bậc, nhất luật phải nộp tiền trâu, gọi là miễn dịch tiền để nhà nước lấy tiền đó thuê người làm trâu thay cho mình. Còn các gia quyến nhà quan, nhà chùa, đàn bà, độc đinh, vị thành niên cũng phải nộp trợ dịch tiền để giúp nhà nước thuê người làm trâu.

Phép này giúp nhà nước có thêm nguồn thu nhập và nông dân được an cư lạc nghiệp, không vì nạn sưu dịch mà bỏ hoang mùa màng như trước.

4. Phép Thị Dịch: Phương pháp Hối đoái. Lập một cơ quan Thị dịch tại Biện Kinh - kinh đô nhà Tống, như một Phòng Thương mại đời nay, để xem xét, điều hành việc lưu thông hàng hóa, giúp nhà buôn biết nơi tiêu thụ sản phẩm, khỏi bị ứ đọng lỗ lã. Cơ quan Thị dịch can thiệp và mua giúp những hàng hóa tồn đọng không bán được với giá phải chăng, để chủ hàng khỏi lỗ nặng. Hàng ấy trữ lại chờ dịp bán ra lấy lợi. Những ai không muốn bán, có thể đem hàng ký thác cho cơ

TRONG đồng sách của Sài Gòn cũ, có hai cuốn mà chỉ cần lật qua ít trang, có lẽ không mấy ai tránh khỏi không phút giây suy nghĩ: **Đồng Kinh nghĩa thực**, biên khảo của Nguyễn Hiên Lê, và **Phong trào Duy tân**, biên khảo của Nguyễn Văn Xuân.

Tổng số trang của hai cuốn, cả thảy ngót sáu trăm. Nhưng hãy cứ coi như là chỉ cần lật qua ít từ, lướt qua ít dòng, hẳn sẽ thấy tại sao mà không thể không bận tâm, không thể nào không sững sờ kinh ngạc.

Tại sao, nếu không phải vì "...ai nghe thấy nói một số nhà cựu học và tân học bắt tay nhau gây nên phong trào duy tân đầu tiên trong nước, cũng hăm hở giúp, kẻ công, kẻ của, có kẻ cả của lẫn công. Những nhà quyền tiền nhiều nhất là hiệu Kim hoàn Thế Xuân ở Hàng Bạc, và hiệu hàng tấm Phúc Lợi ở Hàng Ngang, chủ nhân hiệu này là học trò cụ Lương (Văn Can). Hai nhà đó giúp mỗi lần hai, ba trăm đồng..." (**Đồng Kinh nghĩa thực**, trang 93).

Hai, ba trăm đồng (bạc Đồng Dương ngân hàng) ở thời điểm những năm đầu thế kỷ này, tính ra vàng là hàng chục cây, tính ra lúa là hai ba ngàn thùng. Các nhà hào tâm đóng góp, ủng hộ nghĩa thực đã vậy, còn bán thân những người trong cuộc đúng mũi chịu sào thì "sáu bảy tháng sau khi trường mở cửa, quỹ đã gần cạn, cụ bà Lương Văn Can phải bán một hiệu buôn, hiệu Quảng Bình An ở Hàng Ngang, lấy số tiền 7000d đưa cho cụ ông chi tiêu vào việc trường. Sau này, kể lại việc đó với một người thân trong nhà, cụ bà nói:

- Tôi cầm bút ký tờ đoạn mai mà tay run lên. Từ nhỏ, có bao giờ dám động tới di sản của Tổ tiên đâu. Bán cửa hiệu đó xong, độ một tháng sau trường bị đóng cửa, nếu không, tôi không biết trường sẽ phải dùng cách nào để kiếm tiền." (**Đồng Kinh nghĩa thực**, trang 94).

Chẳng cần phải dài dòng giải thích, tán rộng một khi sự việc tự nó đã nói lên cái hào khí, cái quyết tâm đúng như người xưa thường nói: làm việc nghĩa thì không tính lợi hại. Nói và làm, là một, không phải nói một đằng làm một nẻo.

Và cũng vẫn nói là làm, tức là vừa lập ra nghĩa thực, vừa tổ chức diễn

DUY TÂN: MỌI ĐIỀU ĐỀU MỌI

NGUYỄN NGUYỄN

thuyết hô hào mọi người làm theo cái mới.

"Mỗi khi các diễn giả nhắc đến chuyên tiền bối xả thân cứu nước, thánh giả, nhất là phái nữ, đều rớt nước mắt.

"Có những lúc khốc như vậy thì cũng có những lần thánh giả ôm bụng mà cười. Làm cho mọi người cười thì cũng là cụ Phan Tây Hồ. Hắn hào đồng bào theo người Âu, cắt búi tóc đi, cụ nói:

- Mấy ngàn năm trước, dân tộc ta doan phát văn thân (cắt tóc, xăm mình). Từ khi bị Triệu Đà cướp nước, mới nhiễm tục Trung Hoa, nhưng chỉ một số người ở thành thị theo họ mà thôi. Tới khi nhà Minh chia nước ta thành quận huyện, cưỡng bách toàn dân ăn mặc như họ, thì trai mới búi tóc, gái mới mặc quần hai ống, và người mình thành người Tàu. Ngày nay, chỗ này cụ lớn tiếng - may mà trời mở lòng người, một sớm thức tỉnh, cả nước Duy tân, anh em cắt phăng cái búi tóc đi, khiến cho cái lũ xuân xuân vì trùng (ám chỉ đế quốc xâm lược) không còn đất thực dân trên đầu ta mà hút máu ta thì há chẳng phải là đại khoái ư? Sao, anh em mình nghĩ sao?

Tiếng cười, tiếng hoan hô vang cả phòng.

Khoảng nửa tháng sau, tại Hà Thành, đi đâu cũng nghe thấy có người hát bài "Hối hê!" không biết của ai đặt ra:

Tay trái cầm học,

Tay phải cầm kéo

Hú hê! Hú hê!
Thùng thùng cho khéo
Bỏ cái ngu này
Bỏ cái dại này

.....
Ngày nay ta cướp
Ngày mai ta cạo

Rồi ở Hà Tĩnh, một thanh niên hai mươi tuổi, mỗi buổi chợ phiên, cầm kéo ra chợ, gặp ai còn búi tóc, cũng năn nỉ: "Lạy anh, xin anh cho tôi cắt cục tóc bảo thủ này đi cho rồi" (Đồng Kinh nghĩa thực, trang 81, 82, 83)

Cái kiểu đón đường để cắt búi tóc của người như vậy, ngay khi ấy không phải là không gặp phản ứng của những phần tử thù cừ. Nhưng thông qua việc hò hào cắt tóc, công cuộc duy tân có sự phổ biến rộng rãi và thâm nhuần. Dù cho là có cản trở, sự đổi mới vẫn cứ đi tới.

Đối với việc hò hào cắt bỏ búi tóc, trong cuốn Phong trào Duy tân, tác giả Nguyễn Văn Xuân, sau khi dẫn chứng một vài trường hợp chống đối, đã viết: "Hót tóc không phải là một sự kiện vụ hình thức như có nhiều người lầm tưởng. Chính nó có một giá trị tinh thần rất quan trọng đối với Phong trào Duy tân. Tôi nhớ Mustapha Kemal, lãnh tụ Thổ Nhĩ Kỳ khi bảo bỏ cái mũ Fez tự nhiên bỏ được nhiều tập tục cùng đi với cái mũ ấy" (Phong trào Duy tân, trang 248)

Bỏ được nhiều tập tục, nhưng có lẽ chưa ghê gớm bằng việc cắt cái búi tóc còn trở thành biểu tượng cho sự quyết tâm trong đấu tranh ở những cuộc biểu tình hồi năm 1908 "Cúp tóc, xin sâu". Tại tỉnh Quảng Nam, những cuộc biểu tình đã nổ ra ở Tam Kỳ, Đại Lộc, Điện Bàn. Dân các làng, tay không đã kéo nhau tới phủ huyện rồi Tòa sứ để đưa ra yêu sách:

- 1) Pháp phải nói tay cai trị
 - 2) Pháp phải điều chỉnh việc dùng quan lại. Phải trị tội các quan tham nhũng, tàn ác.
 - 3) Pháp phải để cho Phong trào Duy tân phát triển.
 - 4) Pháp phải nhẹ sâu thuế để dân bớt bị bóc lột đến tận cùng.
- (Phong trào Duy tân, trang 297)

Người dân trong tay không tấc sắt mà dám ngang nhiên đưa ra những yêu sách kể trên, quả thật là dân đã dám "chơi cha" đối với đế quốc thực dân. Như vậy người dân trong đối mới không phải chỉ thay đổi hình thức, nếp sống, việc học hành mà đi vào đấu tranh chính trị. "Không hiểu do ai ra lệnh mà tất cả đều truyền nhau: muốn xin sâu thì phải hót tóc. Thế là họ tuyên truyền rộng rãi ra. Lập tức những người bảo thủ nhất, nhưng nóng lòng vì quyền lợi xin sâu cũng bằng lòng đặt cái đầu tóc quý giá của mình dưới lưỡi kéo, cái lược. Chỉ trong thời gian ngắn, dân Quảng Nam đều biến thành tín đồ của chủ nghĩa Dân quyền, tiêu biểu bằng cái đầu ngắn. Ngon triều "cắt tóc xin sâu" tràn ngập như sóng cuộn vỡ bờ" (Phong trào Duy tân, trang 311)

Danh giá về "Phong trào Duy tân", ngay sau khi cuốn biên khảo này ra đời (1970), trên một tạp chí lúc ấy, một cây bút đã viết: "Thư mục đã đưa ra những sách do chính những người đã sống đã hoạt động viết ra như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... Ông (Nguyễn Văn Xuân) cũng tìm gặp và phỏng vấn những nhân chứng lịch sử còn sót lại... nhờ đó mà ông đã mô tả lại được một cách tỉ mỉ, sống động, linh hoạt những hoạt động của phong trào trong các lãnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, tất cả được diễn lại linh động như một khúc phim..." (Tạp chí Trình bày, tháng Giêng 1970).

Thế là dù cho chỉ có giới hạn, ở đây bạn đọc cũng đã lướt qua ít dòng. Hiển nhiên cũng không ai cần tìm biết về cái thành bại, về tác động của phong trào, mà từ những góc độ khác nhau, ai nấy đều có thể ghi nhận rằng đối mới là phải đụng chạm với cũ, không nhất thiết là đụng chạm với đặc quyền đặc lợi; đối mới là phải gánh chịu, phải mất mát, phải trả giá.

Và lịch sử quả thật đã vận hành trong những thử thách khốc liệt đến độ lạ lùng. Đầu thế kỷ thì duy tân để tạo điều kiện đấu tranh giành lại đất nước từ trong tay người, cuối thế kỷ thì đối mới để sống còn, để thúc đẩy đất nước tiến lên. Đối mới dứt khoát không thể là một thứ ngon từ hoa mỹ, càng không thể là một cái gì đó bóng bẩy dùng để xài chơi.

NN.

quan Thị dịch để vay tiền; đúng kỳ hạn theo khế ước, trả đủ vốn, lãi để lấy hàng ra bán v.v. Công việc của cơ quan Thị dịch gần giống như Hội đoái của Ngân hàng bây giờ.

5. Nông Điền Thủy Lợi: Tương tự công cuộc dẫn thủy nhập điền đời nay. Áp dụng phương pháp đào kênh, xây cống đem nước sông vào tưới ruộng, giúp cho những cánh đồng khô khan hoang vu từ trước, khỏi lo trời hạn. Biến những đồng ruộng ấy trở thành phì nhiêu. Đặt mỗi tỉnh một quan Thủy lợi chuyên môn xem xét việc kinh doanh nông điền thủy lợi cho dân. Cho khơi vét lòng sông Hoàng Hà, Biện Hà, Chuông Hà làm cho ruộng vườn hai bên lưu vực các sông ấy cày cấy tiện lợi khỏi lo thủy nạn và khô hạn. Ruộng tốt tăng lên mấy trăm vạn mẫu.

6. Phép Thanh Miếu: Giúp vốn nông dân nghèo làm mùa. Giữ nguyên và phát triển kho trữ thóc thương binh sưng từ thời Hán, Đường. Lúc nào giá lúa ở thôn quê thấp quá, nhà nước sẽ mua tăng lên giúp dân nghèo khỏi thiệt, đem chứa vào kho. Đến khi giá lúa thị trường tăng cao, nhà nước đem lúa bán với giá trung bình cho dân khỏi bị bọn đầu cơ bóc lột. Thương binh sưng có nghĩa là giữ cho giá lúa được ở mức trung bình. Bấy giờ, nông dân khi túng thiếu phải đi vay của nhà giàu để có cái ăn mà làm mùa, bọn phú hộ thừa cơ cho vay cắt cổ một vốn đến năm bảy lời. Để trừ nạn ấy, hai mùa cày cấy Hạ, Thu, quan địa phương xem xét tình hình, rồi lấy thóc trong kho Thương binh sưng ra cho dân vay làm mùa. Khi gặt lúa, dân đem trả lại cho nhà nước với lãi suất 2 hoặc 3 phần. Cho nông dân vay thóc khi lúa của họ còn xanh ngoài ruộng để giúp họ có vốn làm mùa, đó là phép Thanh miếu tiền. Phép này vừa làm cho nhà nước thu nhập tăng tiến, vừa giúp nông dân nghèo khỏi bị bọn phú nông thừa cơ cho vay thối cổ.

7. Phép Bảo Giáp: Tĩnh vi dân, động vi binh. Phép này tập cho dân tự vệ canh phòng trộm cướp, giữ làng khi thời bình, lúc có giặc sung quân giữ nước. Phép Bảo Mã: Nhà nước giao ngựa cho dân nuôi, ai nuôi nhiều và ngựa béo tốt sẽ được miễn giảm thuế. Khi thanh bình, dân được dùng ngựa vào việc riêng;

khi có chiến tranh, ngựa dùng vào việc quân binh.

8. Phép Quân Khí Giám: Nhà nước đúng ra lập lò chế tạo vũ khí, mộ những tay thợ khéo, thợ giỏi trong nước, trả tiền công rất hậu, gom về đặt dưới sự chỉ huy của một Công quan để chuyên coi việc chế tạo khí giới cho hoàn hảo.

9. Phép Tam Xá: Cải cách việc giáo dục, thi cử. Tam xá nghĩa là nhà nước lập nhà Thái học, chia làm ba hạng: ngoại xá, nội xá và thượng xá. Học sinh mới vào thì ở ngoại xá, sau một năm xét học lực, cho vào nội xá. Thi đỗ mới được lên thượng xá. Cải cách việc học từ chương thành lối học thực dụng. Về tư tưởng học thuật thì không gò bó đạo lý trong Nho giáo, mở rộng thu nạp cả Lão học và Phật học.

Quan trọng nhất là Vương An Thạch cho lập ra ở kinh đô một cơ quan trung ương để theo dõi đôn đốc kiểm tra công việc biến pháp gọi là

Tam ty Điều lệ ty. Ba Ty đó là: Ty Diêm Thiết chuyên coi việc nấu muối và đúc sắt. Ty Độ chỉ coi việc thu thuế vật sản ở nông thôn. Ty Hộ bộ coi về sưu thuế đánh vào ruộng đất và dân đinh.

Cả 3 Ty đặt dưới quyền một vị Kế tước-như Bộ trưởng Kinh tế, Tài chánh đời nay. Đó là cơ quan trung ương phát thi hiệu lệnh tân pháp và làm khuôn mẫu cho toàn quốc.

Vương An Thạch trực tiếp chỉ huy cơ quan này. Ông sốt sắng điều khiển, bố trí cho công việc biến pháp thích nghi cập nhật từng lúc từng địa phương để tức tốc thực hành cho sát, đúng, làm

cho xã hội dưới triều nhà Tống bấy giờ như có một luồng sinh khí thổi vào.

Xét qua các biến pháp của Vương An Thạch tất cả đều ích dân lợi nước. Thi hành biến pháp mới được 3 năm, phép Thanh miêu và phép Phương điền Quân thuế đã đem lại cho công quỹ hàng trăm vạn thạch thóc. Vua Tống Thần tông đã buộc miệng khen: "Vương An Thạch không cần cày cấy cũng đã đem lại cho trăm cả trăm vạn thạch thóc mỗi năm."

Thế thì, tại sao công trình duy tân biến pháp ích quốc lợi dân ấy chỉ được thực thi có 8 năm (từ 1068 đến 1074), Vương An Thạch phải xin từ nhiệm? Để rồi một năm sau, vua Thần tông triệu hồi phục chức, bấy giờ công trình biến pháp cơ hồ đã suy sụp. Rồi chỉ một năm sau đó (từ 1075 đến 1076) thấy không thể cứu vãn được trước sự chống đối mãnh liệt của phe bảo thủ, ông lấy cớ phụng dưỡng mẫu thân để từ nhiệm lần cuối cùng...

Dưới cái nhìn có lẽ còn thiên cặn, chúng tôi, chỉ thấy được 2 nguyên do nổi bật đã làm cho công trình duy tân biến pháp của Vương An Thạch phải bị dang dở rồi tên tuổi ông rơi vào quên lãng:

Một là: Thế lực chống đối đông đảo của phe bảo thủ Cựu thần nhà Tống quyết liệt và dai dẳng.

Hai là: Vương An Thạch thiếu nhân tài phụ lực để thực thi công trình cho đến nơi đến chốn.

Nguyên do thứ nhất: Dám cự thần khá đông, toàn là những bậc đại thần lương đồng của quốc gia như Tư Mã

Quang, Âu Dương Tu, Dương Giới, Lữ Hối, Hàn Duy và cha con Tô Đông Pha. v.v...

Thêm vào đó, nền móng quân chủ phong kiến cự lệ đã hình thành từ mấy ngàn năm nối tiếp từ Tần, Hán, Đường rồi Tống sơ đến nay đã bền gốc sâu rễ, không dễ gì phá đi xây lại trong một sớm một chiều.

Nguyên do thứ nhì: Vương An Thạch xuất thân là một vị hạ quan, tuổi quan trường quá mỏng. Xung quanh dưới trướng của ông phần đông là thuộc hạ cũ của các vị đại thần cự đảng. Tuy có hăng say theo ông buổi đầu vì họ tưởng rằng chỉ một sớm một chiều là công thành danh toại nhưng khi đi sâu vào công cuộc cải cách mới thấy còn lắm nỗi nhiều khê, gặp bao trở lực chống đối và còn bị sự căm dỗ mua chuộc của phe bảo thủ. Do đó, họ dễ dàng đi vào đường mòn: thỏa hiệp với phe bảo thủ và tham nhũng.

Chính cái nguyên nhân nội tại này đã phá vỡ khiến cho công trình biến pháp không thể cứu vãn được nữa.

Tuy nhiên, sau khi Vương An Thạch mất đi, công trình duy tân của ông vẫn được phe bảo thủ nối tiếp thực thi khi họ lên cầm quyền; họ rút ra những cái hay trong các phép: Thanh miêu, Thị dịch, Quân thù, Thủy lợi v.v... để thực thi cho đến nhiều đời sau dưới các triều đại phong kiến Trung Hoa. Họ vay mượn Tân pháp của ông, nhưng họ không nhắc đến công lao và phát minh đó là của Vương An Thạch. Buồn thay!

LPC.

TIN HỢP TÁC KINH TẾ VỚI NƯỚC NGOÀI

- **Ma-lai-xi-a mua thêm cao su của Việt Nam:** Hiện nay Ma-lai-xi-a đang nhập cao su loại chất lượng thấp của Việt Nam nhằm giảm bớt sự thiếu hụt trong nước. Năm 1990, Ma-lai-xi-a mua của Việt Nam 34.673 tấn cao su, tăng gấp đôi so với năm 1989.

- **Chi nhánh ngân hàng INDO SUEZ (Pháp) mở văn phòng tại Hà Nội:** Ngày 28/8 tại Hà Nội, Ông YX.PANI, đại diện chi nhánh ngân hàng Indo Suez (Pháp) tại Việt Nam tiếp khách nhân chính thức ở văn phòng đại diện Indo Suez tại Hà Nội.

Indo Suez là ngân hàng thương mại về đầu tư, có các chi nhánh hoạt động ở nhiều nước châu Âu, châu Á, Trung Đông, châu Phi và Bắc Mỹ. Tại Việt Nam, chi nhánh của Indo Suez ở Thành phố Hồ Chí Minh chính thức hoạt động từ tháng 11/1989 và đang thực hiện những dự án hợp tác với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam và một số chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hà Nội.

Năm 1989, Indo Suez trở thành một trong mười ngân hàng có số đầu tư lớn trên thế giới.

- **Xuất khẩu cà phê qua Trung Quốc và Áo:** Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam đã ký hợp đồng xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc với số lượng ban đầu là 200 tấn cà phê hạt. Lô hàng này sẽ được giao trong tháng 9 và tháng 10/91. Năm 1992, Liên hiệp sẽ bán cho Trung Quốc 5.000 tấn cà phê nhân đồng thời nhập về nước những vật tư cần thiết phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Trong những năm tiếp theo, Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam sẽ bán qua nước bạn mỗi năm 20.000 tấn cà phê bột và cà phê hòa tan. Liên hiệp cũng đã xuất qua Áo đợt đầu 1.000 tấn cà phê nhân.